

Bản án số: 42/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 12/8/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Tiến Thạch và bà Đinh Thị Thanh Hải

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Nga - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Trọng H, sinh năm 1980. Có mặt

Bị đơn: Chị Nghiêm Thị Thu H, sinh năm 1988. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 10, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Tạm trú: Tổ 14, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vũ Trọng H trình bày:*

Anh H và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/10/2011 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh H trình bày do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, chị H nhiều lần gây sự, chửi bới, xúc phạm anh, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã... Mâu thuẫn đã được vợ chồng và hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện tại anh và chị H vẫn chung sống cùng nhà, nhưng đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Anh H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Nghiêm Thị Thu H.

\* Về nuôi con: Anh H và chị H có hai con chung, là các cháu Vũ Gia H, sinh ngày 01/5/2012 và cháu Vũ Duy K, sinh ngày 08/01/2017. Tại đơn khởi kiện, bản tự

khai ban đầu, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai con, anh không yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh H thay đổi ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết để anh được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Duy K, chị H nuôi cháu Vũ Gia H, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

\* Về chia tài sản, nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải chị H trình bày:

\* Về quan hệ hôn nhân: Chị H xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như lời anh H trình bày là cơ bản đúng, cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh H không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra xung đột, cãi chửi nhau, anh H có lúc còn đánh chị, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, chị vẫn còn tình cảm với anh H, nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ.

\* Về nuôi con: Chị H thừa nhận có hai con chung với anh H, như nội dung anh H đã trình bày nêu trên là đúng. Nếu anh H kiên quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đồng/1 tháng/1 cháu, tổng cộng số tiền cấp dưỡng nuôi hai con là 4.000.000đồng/1 tháng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

\* Về chia tài sản, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Trọng H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con với chị Nghiêm Thị Thu H, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Chị H có hộ khẩu thường trú tại tổ 10, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Tại phiên tòa, chị H có vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/10/2011 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân các đương sự cùng thống nhất là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã... mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn sống cùng một nhà nhưng đã ly thân, không còn quan tâm đến

nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, chị H đề nghị đoàn tụ, nhưng anh H kiên quyết xin ly hôn, nên Tòa án hòa giải không thành. Từ đó, có căn cứ cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh H, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Anh H và chị H có 02 con chung là các cháu Vũ Gia H và cháu Vũ Duy K, nguyện vọng của anh H được nuôi cháu K, không yêu cầu chị H cấp dưỡng, nhưng chị H không nhất trí mà đề nghị Tòa án giải quyết để chị được nuôi cả hai con, anh H cấp dưỡng 4.000.000đồng/1 tháng. HĐXX thấy, cả anh H, chị H đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, nhưng theo đơn nguyện vọng của cháu Vũ Gia H muốn được ở với mẹ. Do đó, HĐXX thấy cần thiết giao cho các bên đương sự, mỗi người nuôi một con chung. Chị H nuôi dưỡng cháu H, anh H nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với nguyện vọng của con, điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Do mỗi bên nuôi một con chung, nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Anh Vũ Trọng H được ly hôn với chị Nghiêm Thị Thu H

**2. Về nuôi con:** Giao cháu Vũ Duy K, sinh ngày 08/01/2017 cho anh Vũ Trọng H; giao cháu Vũ Gia H, sinh ngày 01/5/2012 cho chị Nghiêm Thị Thu H. Anh H, chị H có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu K và cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh H, chị H không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Anh Vũ Trọng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai số AA/2017/0006456 ngày 29/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (02);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- UBND p. Minh Tân, tp Yên Bái, Tỉnh Yên Bái.
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thủy**

